

Bản án số:19/2017/HSST

Ngày 20/12/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Quốc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh

Nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí.

Đơn vị: Tổ dân phố 2, TT B, huyện B.

2. Ông Vàng Văn Thuỷ.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Đơn vị: Đảng uỷ xã N, huyện B.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Cán bộ Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại Tổ dân phố 2, Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:15/2017/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

**1. Bị cáo: Hoàng Xuân P**

Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1994.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá:08/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Không.

Con ông: Hoàng Seo L và bà: Giàng Thị D.

Hiện bố mẹ bị cáo trú tại: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vợ là Sùng Thị Ch - Sinh năm 1994 hiện trú tại: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10 tháng 8 năm 2017, tạm giam ngày 16 tháng 8 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B. Có mặt tại phiên toà.

**2. Bị cáo: Vũ Seo Th.**

Sinh ngày 08 tháng 9 năm 1999.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; Chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Không.

Con ông: Vũ Seo S và bà: Vàng Thị S1.

Bố, mẹ bị cáo hiện trú tại: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vợ con chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10 tháng 8 năm 2017, đến ngày 15 tháng 8 năm 2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 08/LCĐKNCT của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

**Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Xuân P và Vũ Seo Th:** Bà La Thị Huyền Tr - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**Người bị hại :**

1. Anh Giàng Seo Á - Sinh năm 1969.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Anh Hoàng Seo S2 - Sinh năm 1978.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có lý do.

**Người có quyền lợi liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Hồng L1 - Sinh năm 1977.

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có lý do.

2. Anh Nguyễn Văn K - Sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 4, TT B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có lý do.

3. Anh Đỗ Ngọc Ph - Sinh năm 1992.

Nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có lý do.

4. Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có lý do.

**NHẬN THẤY**

Các bị cáo Hoàng Xuân P và Vũ Seo Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tối ngày 06/08/2017, Hoàng Xuân P sinh ngày 01/06/1994 rủ Vũ Seo Th sinh ngày 08/09/1999 đi trộm cắp trâu nhà ông Giàng Seo Á ở cùng thôn với P, Th đồng ý. Khoảng 22h 30 phút cùng ngày P, Th đi bộ đến đồi thông thuộc thôn 2 nơi gia đình ông Á buộc trâu, P bảo Th vào trộm cắp con trâu đực khoảng 3 tuổi, lông màu đen. Sau khi trộm cắp được trâu Th và P dắt trâu đến cổng Công viên Na Cò, TT B. Tại đây P nói với Th “mày cứ về nhà ngủ còn tao gọi xe chở trâu đi bán”, Th đi về nhà còn P gọi điện cho anh Nguyễn Văn T là người có xe tải chở hàng thuê với giá là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Sau đó hai người chở trâu ra nhà anh Đỗ Văn Tr1 ở thôn H, xã G, huyện A, tỉnh Lào Cai bán với

giá 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*), trong quá trình mua bán anh Tr1 và P viết cam kết con trâu bán không phải là trộm cắp. Sau khi bán được trâu trộm cắp P trả anh T tiền cước xe, số tiền còn lại P tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra P còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp trâu tại xã T, huyện B.

Vụ thứ nhất: Khoảng 00h ngày 15/01/2017 P đi bộ từ nhà sang chuồng trâu nhà anh Hoàng Seo S2 ở thôn 1, xã T, trộm cắp 01 con trâu đực khoảng 8 tuổi, lông màu đen. Sau khi trộm cắp Pao dắt trâu đến Tổ dân phố 2, TT B và gọi điện cho anh Đỗ Ngọc Ph là người có xe tải chở hàng thuê, nói gia đình có con trâu muốn mang ra xã G, huyện A bán, Anh Ph nói cước là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Sau đó hai người chở trâu ra nhà ông Lê Văn T1, ở thôn H, xã G, huyện A bán với giá 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), trong quá trình mua bán ông T1 và P viết cam kết con trâu bán không phải là trộm cắp. Sau khi bán được trâu trộm cắp P trả anh Ph tiền cước xe, số tiền còn lại P tiêu sài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 00h 30 phút ngày 08/02/2017 P đi bộ từ nhà đến đồi thông thuộc thôn 2, xã T là nơi buộc trâu của gia đình ông Giàng Seo Á, trộm cắp 01 con trâu cái khoảng 10 tuổi, lông màu đen. Sau khi trộm cắp được P dắt đến cổng Công viên Na Cô, TT B và gọi điện cho anh Nguyễn Văn T là người có xe tải chở hàng thuê, nói gia đình có con trâu muốn mang ra xã G, huyện A bán, Anh T trả lời cước là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Sau đó hai người chở trâu ra nhà bà Đào Thị Y, trú tại thôn H, xã G, huyện A bán với giá 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*), trong quá trình mua bán bà Y và P viết cam kết con trâu bán không phải là trộm cắp. Sau khi bán được trâu trộm cắp P trả cho anh T tiền cước xe, số tiền còn lại P tiêu sài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 14/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 con trâu đực 03 tuổi, lông màu đen có trị giá 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 15/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 con trâu cái 10 tuổi, lông màu đen có trị giá 31.250.000 đồng (*Ba mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 18/08/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 con trâu đực 08 tuổi, lông màu đen có trị giá 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Bản cáo trạng số: 15/KSĐT ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Hoàng Xuân P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điều 138 khoản 2 điểm e và Vũ Seo Th về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điều 138 khoản 1 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Xuân P và Vũ Seo Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Hoàng Xuân P từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 68; khoản 1, 5 Điều 69; Điều 71; khoản 1 Điều 74; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt Vũ Seo Th từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ xung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 585; khoản 1, 3 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Xuân P phải có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại giá trị tài sản trộm cắp số tiền là 134.000.000 đồng.

#### Về vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu xung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hãng Mobiiitar LAIZORO bên trong có 02 sim của Hoàng Xuân P; 01 điện thoại SAMSUNG bên trong có 02 sim của Vũ Seo Th. Trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho anh Đỗ Văn Tr và trả tiền cho những người có quyền lợi liên quan. Tạm giữ số tiền 11.650.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có để trả cho các bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Xuân P và Vũ Seo Th sau khi phân tích tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; động cơ mục đích phạm tội đã đề nghị: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Xuân P 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Seo Th 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Sau khi xem xét, kiểm tra những tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, qua việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

### **XÉT THẤY**

Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo Hoàng Xuân P và Vũ Seo Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo khai rằng, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản nên P đã rủ Th đi trộm cắp Trâu để bán lấy tiền tiêu sài cho mục đích cá nhân, ngoài lần trộm cắp cùng Vũ Seo Th, bị cáo Hoàng Xuân P còn một mình thực hiện 02 vụ trộm cắp khác trên địa bàn xã T, huyện B. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, trị giá tài sản bị cáo P trộm cắp là 116.250.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn*); trị giá tài sản bị cáo Vũ Seo Th trộm cắp cùng Hoàng Xuân P là 25.000.000 đồng (*Hai mươi năm triệu*). Như vậy có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Hoàng Xuân P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138; truy tố bị cáo Vũ Seo Th về tội “Trộm cắp

tài sản”theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là người có đủ năng lực và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản các bị cáo P và Th đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt cho nhu cầu cá nhân. Các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn xã T nói riêng và huyện B nói chung. Vì vậy, cần áp dụng mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò. Tuy nhiên, qua xem xét thấy rằng: bị cáo Hoàng Xuân P là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Vũ Seo Th phạm tội trộm cắp. Như vậy, P là người giữ vai trò thứ nhất, Th giữ vai trò thứ hai.

#### **Hội đồng xét xử nhân định:**

Đối với Hoàng Xuân P: Do lười lao động và muốn có tiền tiêu sài cho mục đích cá nhân nên bị cáo đã rủ Vũ Seo Th thực hiện hành vi trộm cắp Trâu của người khác nhằm bán lấy tiền. Bị cáo đã rủ Th lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 con Trâu của gia đình anh Giàng Seo Á với trị giá tài sản là 25.000.000 đồng. Ngoài ra, bản thân bị cáo còn tự khai nhận trước đó thực hiện 02 vụ trộm cắp khác cùng trên địa bàn xã T, huyện B với trị giá là 91.250.000 đồng. Như vậy, bị cáo Hoàng Xuân P đã thực hiện hành vi trộm cắp 03 vụ với tổng trị giá tài sản là: 116.250.000 đồng. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và rủ Vũ Seo Th cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi Th chưa đủ 18 tuổi. Do vậy cần phải xét xử nghiêm minh, tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đồng thời phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai ra hành vi phạm tội trước đó, tại phiên toà đã xin lỗi người bị hại. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm p, o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với Vũ Seo Th: Do muốn có tiền cho mục đích cá nhân, nên khi được Hoàng Xuân P rủ đi trộm cắp Trâu để lấy tiền tiêu sài bị cáo đã đồng ý và thực hiện hành vi trộm cắp 1 cách tích cực. Bị cáo đã cùng Hoàng Xuân P trộm cắp 01 con Trâu của gia đình của anh Giàng Seo Á, trị giá tài sản bị cáo cùng P trộm cắp là: 25.000.000 đồng. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên toà đã xin lỗi người bị hại; Tài sản bị cáo

trộm cắp có giá trị không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (Bị cáo sinh ngày 08.9.1999 phạm tội ngày 06.8.2017). Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 và áp dụng Điều 68; khoản 5 Điều 69; Điều 71; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội với vai trò thứ hai; có nơi ở rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội. Cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự qui định hình phạt bổ sung bằng tiền, xét thấy các bị cáo là người lao động thuần nông ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình cũng như bản thân không có tài sản có giá trị nên không cần thiết phải áp dụng đối với các bị cáo. Do vậy, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hoàng Xuân P và Vũ Seo Th.

Đối với ông Lê Văn T1; bà Đào Thị Y; anh Đỗ Văn Tr là những người đã mua Trâu do các bị cáo trộm cắp, tuy nhiên khi mua ông T1; bà Y và anh Tr không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý về hình sự.

- Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ:

01 điện thoại di động hãng Mobiiitar LAIZORO bên trong có 02 sim của Hoàng Xuân P; 01 điện thoại SAMSUNG bên trong có 02 sim của Vũ Seo Th. Đây là điện thoại mà các bị cáo dùng để liên lạc với nhau để thực hiện hành vi trộm cắp và liên lạc để tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có. Xét thấy cần tịch thu xung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) thu giữ của anh Đỗ Văn Tr. Xét thấy không phải là vật chứng của vụ án, ngày 06 tháng 12 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện B đã ra Quyết định trả lại cho anh Đỗ Văn Tr.

Quá trình điều tra còn thu giữ: Thu của bị cáo Hoàng Xuân 500.000 đồng; anh Nguyễn Văn T số tiền 2.000.000 đồng; anh Đỗ Ngọc Ph số tiền 3.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng L1 số tiền 1.150.000 đồng; anh Nguyễn Văn K số tiền 5.000.000. Tổng cộng là: 11.650.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có do vậy cần tịch thu và trả cho những người bị hại. Toàn bộ số tiền trên hiện đang được tạm giữ tại Tài khoản số 394901053629 của Công an huyện B tại Kho bạc nhà nước huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Về bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ hoàn trả:

Anh Hoàng Seo S2 yêu cầu bị cáo Hoàng Xuân P phải bồi thường cho anh trị giá Trâu bị trộm cắp và tiền công đi tìm, tổng cộng là: 70.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Xuân P đồng ý và hứa có trách nhiệm trả đầy đủ.

Anh Giàng Seo Á yêu cầu Pao phải bồi thường cho gia đình anh trị giá Trâu bị trộm cắp cụ thể: 01 con Trâu bị cáo trộm cắp độc lập trị giá 31.250.000 đồng và 01 con Trâu P trộm cắp cùng Vũ Seo Th trị giá 25.000.000 đồng và tiền công đi tìm, tổng cộng: 64.000.000 đồng, anh không yêu cầu bị cáo Th phải bồi thường vì cho rằng Vũ Seo Th không được chia tiền. Bị cáo Hoàng Xuân P và bị cáo Vũ Seo Th cùng có thảo thuận là bị cáo P phải trả toàn bộ số tiền của giá trị con Trâu mà 2 bị cáo đã trộm cắp cho anh Á; bị cáo Hoàng Xuân P nhất trí và cam kết trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của anh Giàng Seo Á và không yêu cầu Vũ Seo Th phải bồi thường cùng. Hội đồng xét xử thấy việc yêu cầu bồi thường của những người bị hại và tự nguyện bồi thường của bị cáo Hoàng Xuân P là phù hợp với qui định của pháp luật nên không đề cập giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T; anh Đỗ Ngọc Ph là những người mà bị cáo Hoàng Xuân P dùng tiền phạm tội mà có để trả tiền thuê xe nay có yêu cầu bị cáo phải trả lại đầy đủ số tiền theo thoả thuận, tổng cộng là: 5.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Hồng L1 không yêu cầu bị cáo Hoàng Xuân P phải trả lại tiền.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc yêu cầu trả lại số tiền theo thoả thuận của những người có quyền lợi liên quan là chính đáng, do vậy cần buộc bị cáo Hoàng Xuân P phải có trách nhiệm trả cho: anh Nguyễn Văn T số tiền 2.000.000 đồng; anh Đỗ Ngọc Ph số tiền 3.000.000 đồng.

- Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Hoàng Xuân P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 6.367.500 đồng tiền án phí có giá ngạch, Tổng cộng là: 6.567.500 đồng (Sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và bị cáo Vũ Seo Th phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- **Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Hoàng Xuân P và Vũ Seo Th phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- **Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:**

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm o, pkhoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân P 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt 10 tháng 8 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 68; khoản 5 Điều 69; Điều 71; khoản 1 Điều 74; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Seo Th 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án

treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Seo Th cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1, 2 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hãng Mobiiitar LAIZORO bên trong có 02 sim của Hoàng Xuân P; 01 điện thoại SAMSUNG bên trong có 02 sim của Vũ Seo Th.

*(Số vật chứng trên theo Biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).*

**Về bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ hoàn trả:** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Hoàng Xuân P có trách nhiệm bồi thường và trả cho những người bị hại và người có quyền lợi liên quan, cụ thể:

Trả lại cho anh Hoàng Seo S2 số tiền 6.000.000 đồng do bị cáo Hoàng Xuân P phạm tội mà có hiện đang tạm giữ tại Tài khoản số 394901053629 của Công an huyện B tại Kho bạc nhà nước huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo P còn phải bồi thường cho anh Hoàng Seo S2 số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi tư triệu).

Trả lại cho anh Giàng Seo Á số tiền 5.650.000 đồng do bị cáo Hoàng Xuân P phạm tội mà có hiện đang tạm giữ tại Tài khoản số 394901053629 của Công an huyện B tại Kho bạc nhà nước huyện B, tỉnh Lào Cai. Bị cáo P còn phải bồi thường cho anh Giàng Seo Á số tiền 58.350.000 đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn).

Trả cho anh Đỗ Ngọc Ph số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu).

Trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu).

- **Về nghĩa vụ chịu án phí:** Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hoàng Xuân P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.367.500 đồng tiền án phí có giá ngạch, Tổng cộng là: 6.567.500 đồng (Sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng); bị cáo Vũ Seo Th phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo bản án:** Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

- Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh; huyện.
- THAHS;
- CCTHADS;
- Các bị cáo;
- CA huyện B;
- Những người bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Người bào chữa;
- STP;
- Lưu HS, TA, VP;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Hưng**